

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 16-7-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh
2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Bản Chờ Lồng, xã Y, huyện C, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Cà Thị Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản Cự, xã CL, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lò Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến cuối năm 2017 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh Lò Văn S xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị ly hôn với chị Cà Thị Đ.

Về con chung: Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ có 01 (một) con chung là cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014.

Cháu Tranh đang ở với chị Cà Thị Đ. Anh Lò Văn S đề nghị giao cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Cà Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn S cam đoan không có nợ chung.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Cà Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị Đ và anh Lò Văn S có đăng ký kết hôn với nhau ngày 02/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2017 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Cà Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn anh Lò Văn S.

Về con chung: Chị Cà Thị Đ và anh Lò Văn S có 01 (một) con chung là cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014. Hiện tại cháu Cà Thị Tranh đang sống chung với chị Cà Thị Đ.

Chị Cà Thị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Cà Thị Tranh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị Đ không yêu cầu anh Lò Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Cà Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Anh Lò Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Sáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Chị Cà Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Định giữ nguyên ý kiến trong bản tự khai.

Tại biên bản xác minh ngày 06/6/2024: Tại bản Cụ, xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Cà Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại bản Cụ, xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La. Chị Cà Thị Đ và anh Lò Văn S có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện TC. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không không nắm rõ. Chị Cà Thị Đ và anh Lò Văn S có 01 (một) con chung là cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014. Hiện tại cháu Cà Thị Tranh đang sống chung với chị Cà Thị Đ. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 03/6/2024, cháu Cà Thị Tranh có nguyện vọng là ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn S được ly hôn chị Cà Thị Đ.

Về con chung: Giao cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Cà Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Cà Thị Đ không yêu cầu).

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn S, chị Cà Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nguyên đơn anh Lò Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lò Văn S yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị Cà Thị Đ có địa chỉ tại bản Cự, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Lò Văn S, bị đơn chị Cà Thị Đ: Nguyên đơn anh Lò Văn S, bị đơn chị Cà Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ly, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Sáo cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị Cà Thị Đ. Chị Cà Thị Đ nhất trí ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Sáo và chị Định lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho anh Lò Văn S được ly hôn chị Cà Thị Đ. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ có 01 (một) con chung là cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014. Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ đều có ý kiến giao cháu Cà Thị Tranh cho chị Cà Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Cà Thị Đ không yêu cầu anh Lò Văn S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Sáo, chị Định có nơi cư trú rõ ràng, đều có thu nhập. Anh Sáo, chị Định đều có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến cháu Cà Thị Tranh có nguyện vọng là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Cà Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung:* Không có.

[5] *Về tài sản riêng:* Không có.

[6] *Về nợ chung:* Anh Lò Văn S, chị Cà Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

[7] *Về án phí:* Anh Lò Văn S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy anh Lò Văn S là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn anh Lò Văn S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn S được ly hôn chị Cà Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Cà Thị Tranh, sinh ngày 30/8/2014 cho chị Cà Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Cà Thị Đ không yêu cầu).

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Anh Lò Văn S và chị Cà Thị Đ cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn anh Lò Văn S. Hoàn trả lại anh Lò Văn S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001804, ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn S, chị Cà Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CL, huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng